TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **543**/2026/DS-PT
Ngày: 30 -7-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An

Ông Phạm Tiến Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Lâm Đông Đông - Thư ký viên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 383/2026/DS-PT ngày 16/6/2026 về việc: "*Tranh chấp hợp vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 09 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 552/2026/QĐ-PT ngày 10/7/2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*****:** Ông Lê Hoàng C, sinh năm 1986. Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố T, phường B, Thành phố Đ – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Thanh D, sinh năm 1996. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, Thành phố Đ. Địa chỉ liên hệ: 550 Quốc lộ A, phường B, Thành phố Đ – có mặt.

- ***Bị đơn*****:** Bà Doãn Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố T, phường Đ, Thành phố Đ – xin vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1965. Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố T, phường Đ, Thành phố Đ – vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hoàng C đối với một phần nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trương Thanh D trình bày:

Tại bản tự khai ngày 11/11/2025 nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày vào cuối tháng 5/2025 và đầu tháng 6/2025 bà T cùng mẹ là bà Đoàn Thị X có đến gặp ông C hỏi mượn số tiền 2.050.000.000 đồng (hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng cho bà Đoàn Thị X. Do thân quen nên ông C đồng ý cho bà T và mẹ bà T vay số tiền trên làm 03 lần, đều chuyển vào tài khoản của bà T (01 lần chuyển vào tài khoản của em gái bà T theo đề nghị của bà T).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Lê Hoàng C không quen biết bà Đoàn Thị X, còn bà Doãn Thị T là quen biết do làm ăn chung. Đầu tháng 6/2025, bà T có hỏi mượn tiền ông C, nên ngày 05/6/2025, ông C cho bà T mượn 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*, sau đó đã trả 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*. Đến ngày 11/6/2025 bà T vay tiếp số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Ngày 15/9/2025 bà T vay 250.000.000 đồng hẹn đến ngày 25/10/2025 sẽ trả toàn bộ số tiền. Đến ngày 25/10/2025 bà T chưa trả tiền nên ông C yêu cầu bà T viết giấy xác nhận nợ, vì toàn bộ những lần vay không viết giấy vay. Ngày 25/10/2025 bà T trực tiếp viết giấy, tuy nhiên bà T nhớ nhầm lần vay cuối nên trong giấy nhận nợ ghi là "ngày 10/7/2025" thực tế là ngày 15/9/2025. Tất cả những lần cho vay ông C chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bà H (em gái bà T). Khi vay không thoả thuận lãi suất, bà T vay để đáo hạn cho bà Đoàn Thị X (mẹ của bà T), ông C không biết đáo hạn ở đâu, những lần vay không có ai làm chứng. Trong đơn khởi kiện ông Lê Hoàng C yêu cầu Tòa án buộc bà Doãn Thị T và bà Đoàn Thị X phải liên đới trả cho ông C số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng và lãi suất 20%/năm tạm tính là 200.000.000 đồng;

Ngày 11/02/2026, nguyên đơn có đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện, cụ thể ông Lê Hoàng C sửa đổi yêu cầu Toà án buộc bà Doãn Thị T và bà Đoàn Thị X phải liên đới trả cho ông C số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày vi phạm hợp đồng vay (ngày 25/10/2025) đến ngày mở phiên toà (ngày 11/02/2026) là 60.000.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu phải thanh toán đến ngày 11/02/2026 là 2.110.000.000 (Hai tỷ một trăm mươi triệu) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Doãn Thị T trình bày: Bà Doãn Thị T và ông Lê Hoàng C có mối quan hệ bạn bè quen biết. Ngày 05/6/2025 bà T có vay của ông Lê Hoàng C số tiền 500.000.000 đồng; Ngày 11/6/2025, bà T vay của ông

C số tiền 1.500.000.000 đồng; Ngày 10/7/2025 bà T vay tiếp của ông C số tiền 250.000.000 đồng. Khi vay mượn chỉ thoả thuận miệng, không viết giấy tờ vay mượn, không thế chấp tài sản hay giấy tờ có giá trị nào khác; không thoả thuận lãi suất, mục đích vay là để bà T cho người khác vay lại, cụ thể cho bà Đoàn Thị X (mẹ ruột của bà T1) vay, mục đích bà X dùng tiền làm gì bà T không biết.

Từ khi vay mượn bà T đã trả cho ông C 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); ngày 25/10/2025 ông C yêu cầu bà T viết giấy xác nhận nợ còn lại và bà T đã viết giấy cho ông C. Bà T xác nhận có vay mượn của ông C tính đến ngày 25/10/2025 tổng số tiền là 2.050.000.000 đồng (hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), có chốt ngày trả nợ là ngày 25/10/2025. Trên giấy vay ghi mục đích vay "để đáo sổ ngân hàng cho mẹ Đoàn Thị X" nhưng thực tế số tiền khi mượn của ông C về bà T đã cho bà X mượn lại. Khi cho bà X mượn tiền thì bà T không nói tiền ở đâu mà có, giữa bà T và bà X không có tranh chấp gì, trường hợp sau này phát sinh tranh chấp thì bà T sẽ khởi kiện bà X thành vụ án khác không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Hết ngày 25/10/2025 bà T chưa trả khoản tiền còn nợ cho ông C vì hoàn cảnh khó khăn và ông C đòi thêm lãi, trong khi thoả thuận vay mượn không có lãi suất. Bà T một mình vay của ông C nên sẽ chịu trách nhiệm một mình trả cho ông C.

Đối với yêu cầu của ông C, bà T không đồng ý trả lãi, chỉ đồng ý một mình trả số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) cho ông C. Bà X không liên quan đến khoản vay này.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị X trình bày:

Bà X là mẹ của bà Doãn Thị T, bà X không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn Lê Hoàng C. Từ trước đến nay bà X chưa có bất kỳ giao dịch vay mượn nào với ông Lê Hoàng C, không ký vào giấy vay, không liên quan đến giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn. Bà X không nhận tiền từ ông C, không đồng ý với yêu cầu của ông C về việc buộc bà X liên đới cùng bị đơn Doãn Thị T trả nợ.

Bà X thừa nhận thỉnh thoảng có vay tiền của bà Doãn Thị T, còn số tiền bà T cho mượn là tiền riêng của bà T hay bà T đi vay mượn người khác thì bà X không biết. Bà X có trách nhiệm trả nợ cho bà T khi bà T có yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 09 - Đồng Nai đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng C; Buộc bà Doãn Thị T phải trả cho ông Lê Hoàng C số tiền nợ gốc 2.050.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 11/02/2026 là 60.000.000 đồng. Tổng cộng là **2.110.000.000** *(Hai tỷ một trăm mười triệu)* đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hoàng C về việc buộc bà Đoàn Thị X liên đới trả tiền nợ trên cùng bà Doãn Thị T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 01/04/2026 của ông Lê Hoàng C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng: Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai buộc bà Đoàn Thị X liên đới cùng bà T trả số tiền 2.050.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Lê Hoàng C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trương Thanh D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án để chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra để xác minh hành vi gian dối của bà T khi vay tiền của nguyên đơn mục đích đáo hạn ngân hàng cho bà X nhưng không sử dụng số tiền vay đúng với cam kết với ông C nhằm chiếm đoạt tiền số tiền đã vay, có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hoàng C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hoàng C làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Theo nội dung khởi kiện nguyên đơn ông Lê Hoàng C yêu cầu Tòa án buộc bà Doãn Thị T và bà Đoàn Thị X phải liên đới trả cho ông C số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ nguyên đơn cung

cấp là giấy nhận nợ ghi nội dung *"Tôi tên là: Doãn Thị T – SN 1986; CCCD số 0701860025XX – cấp ngày 16/4/2021. Địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, tỉnh Đồng Nai. Tôi xác nhận có vay của anh Lê Hoàng C – SN 1986; CCCD số 0750860084XX. Tổng số tiền 2.050.000.000 đ (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)."*, trên giấy chỉ có chữ ký người vay Doãn Thị T và lời trình bày bị đơn bà T quá trình giải quyết vụ án thừa nhận có vay tiền của ông C nhiều lần, vào ngày 25/10/2025 có viết giấy xác nhận lại số tiền còn nợ ông C là 2.050.000.000 đồng, hẹn hạn chót trả là ngay trong ngày 25/10/2025, lời khai này phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Doãn Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 2.050.000.000 đồng cho ông C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn Lê Hoàng C về việc buộc bà Đoàn Thị X phải liên đới trả nợ gốc và lãi cùng bà Doãn Thị T. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Ông C cho rằng số tiền đưa bà T là cho bà T và bà Đoàn Thị X vay, mục đích bà T vay để đáo hạn cho bà X (mẹ của bà T) nên yêu cầu bà Đoàn Thị X phải liên đới cùng bà Doãn Thị T trả khoản nợ gốc, lãi nêu trên.

Bà T trình bày khi ghi giấy xác nhận nợ mục đích ghi là *"mượn để đáo sổ ngân hàng cho mẹ Đoàn Thị X"* nhưng khi mượn về đưa cho bà Đoàn Thị X vay lại, việc bà X dùng tiền làm gì thì bà T không biết; Bà X cũng khẳng định không quen biết ông Lê Hoàng C, không ký giấy vay hay liên quan đến giao dịch vay mượn nào với ông C; Riêng đối với bà T thì bà X có vay tiền nhiều lần, không biết nguồn gốc số tiền ở đâu. Bà Doãn Thị T và bà Đoàn Thị X đều không đồng ý liên đới trả khoản nợ theo yêu cầu của ông Lê Hoàng C. Đồng thời, đều khẳng định giữa bà T và bà X không có tranh chấp gì với nhau.

Nguyên đơn cũng thừa nhận không quen biết bà X, không cung cấp được chứng cứ về việc giao nhận tiền, cho bà Đoàn Thị X vay tiền cùng bà T. Từ những phân tích nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Đoàn Thị X phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Doãn Thị T số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng bị đơn bà T có hành vi gian dối khi vay tiền của nguyên đơn, giấy vay thể hiện mục đích để đáo hạn ngân hàng cho bà X nhưng không sử dụng số tiền vay đúng với cam kết nhằm chiếm đoạt tiền số tiền đã vay của nguyên đơn nên có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà X cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc theo giấy nhận nợ ngày 25/10/2025 và lãi suất theo quy định của pháp luật,

không cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho hành vi của bị đơn có dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Toà án cấp sơ thẩm không có căn cứ để tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra về hành vi liên quan đến tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" như nguyên đơn đã trình bày. Ngoài những lời trình bày nói trên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Do đó, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 09 - Đồng Nai.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông C phải chịu theo quy định.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hoàng C;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 09 - Đồng Nai;

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 244; Điều 227 và Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng C; Buộc bị đơn bà Doãn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng C số tiền nợ gốc 2.050.000.000 (*Hai tỷ không trăm năm mươi triệu*) đồng và lãi suất tính đến ngày 11/02/2026 là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng. Tổng cộng là 2.110.000.000 *(Hai tỷ một trăm mười triệu)* đồng.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Hoàng C về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị X liên đới trả tiền nợ trên cùng bị đơn bà Doãn Thị T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Bà Doãn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 74.200.000 *(Bảy mươi bốn triệu hai trăm nghìn)* đồng.

3.2 Ông Lê Hoàng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 *(Ba trăm*

nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 38.500.000 *(Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0006753 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đồng Nai).

Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai hoàn trả cho nguyên đơn ông C số tiền tạm ứng còn lại là 38.200.000 *(Ba mươi tám triệu hai trăm nghìn)* đồng.4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Hoàng C phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010033 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đồng Nai;
- TAND KV 09 - Đồng Nai;
- VKSND KV 09 – Đồng Nai;
- PTHADS KV 09 - Đồng Nai;
- THADS Thành phố Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga